

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HS-ST

Ngày: 16-4-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường

Thẩm phán: Ông Trần Quốc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Cẩm
- Ông Đinh Công Khanh
- Bà Kiều Thị Kim Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hữu Thái Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Ông Đoàn Minh Tuấn – Kiểm sát viên

Ông Nguyễn Phạm Minh V – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 78/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Võ Kiên N.** Giới tính: Nam. Sinh ngày: 07/02/1992, tại Long An. Nơi đăng ký thường trú: Khu phố A, Phường C, thị xã K, Long An. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12. Con ông: Võ Văn Q, sinh năm 1970 (sống). Con bà: Nguyễn Thị Bích N1, sinh năm 1971 (sống). Anh, em ruột: không. Vợ: Ngô Thị Cẩm V1, sinh năm: 1992. Có 01 con, sinh năm 2016.

Tiền án: Ngày 21/11/2017, Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường tuyên phạt 07 năm tù về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong ngày 29/4/2022.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2023 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh L (có mặt).

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Võ Kiên N:* Ông Huỳnh Tuấn K là Luật sư thuộc Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L (có mặt).

2. **Trần Thị B.** Giới tính: Nữ. Sinh ngày: 01/01/1985, tại Campuchia. Nơi thường trú: ấp T, xã H, huyện V, Long An. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: không biết chữ. Con ông: Trần Văn C, sinh năm 1953 (chết năm 2024). Con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1955 (chết). Chồng: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1996. Con: 03 người, sinh năm 2007, 2010 và 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 05/10/2023 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh L (có mặt).

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Thị B:* Ông Phạm Xuân T1 là Luật sư thuộc Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L (có mặt).

3. **Trần Tuấn T2.** Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Tý Điền. Sinh ngày: 02/10/1997, tại Long An. Nơi đăng ký thường trú: Khu phố A, Phường B, thị xã K, Long An. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12. Con ông: Trần Hùng C1, sinh năm 1970 (sống). Con bà: Võ Thị Lan E, sinh năm 1971 (sống). Có 01 em ruột, sinh năm 2001. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 17/02/2020, Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường tuyên phạt 06 tháng tù, về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Chấp hành xong ngày 22/5/2020.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/11/2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh L (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Tuấn T2:* Ông Nguyễn Hòa B1 là Luật sư thuộc Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L (có mặt).

4. **Trương Nguyễn Đình T3.** Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Tuấn N2. Sinh ngày: 01/6/2000, tại: Bà Rịa - Vũng Tàu. Nơi thường trú: Tổ C, thôn T, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Sinh viên cao đẳng y tế dược Đồng Nai. Trình độ học vấn: 12/12. Con ông: Trương Đình H, sinh năm 1973 (sống). và bà: Nguyễn Thị C2, sinh năm 1972 (sống). Vợ: Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1998. Có 01 con, sinh năm 2021.

Tiền án: Tiền sự: không.

Nhân thân Ngày 12/10/2023, Công an huyện T, Long An ra quyết định xử phạt 1.500.000 đồng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/11/2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh L (có mặt.)

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Trương Nguyễn Đình T3:* Ông

Nguyễn Minh T4 là Luật sư thuộc Văn phòng N4, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Võ Văn T5, sinh năm 1985. Địa chỉ: Khu phố A, phường B, thị xã K, tỉnh Long An (vắng mặt)

2. Anh Đinh Minh T6, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An (vắng mặt)

3. Anh Huỳnh Công T7, sinh năm 1999. Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An (vắng mặt)

4. Chị Võ Thị Bảo T8, sinh năm 2002. Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An (vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Hữu Q1, sinh năm 1945. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt)

6. Ông Phan Văn K1, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An (vắng mặt)

7. Hồ Minh T9, sinh năm 1997. Địa chỉ: 2 Đường A, phường B, thành phố T, Thành phố H (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 50 phút ngày 05/10/2023, Công an thị xã K kết hợp Công an xã B, thị xã K tuần tra phòng chống tội phạm trên đường T, đến đoạn ấp M, xã B, thị xã K phát hiện xe mô tô do người nam điều khiển chở người nữ phía sau, đi hướng huyện V về thị xã K có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe kiểm tra, người nam điều khiển xe tăng ga bỏ chạy, lực lượng tuần tra truy đuổi theo đến trước nhà số C ấp Ô, xã B, thị xã K thì cả 02 vút xe bỏ chạy nhưng đã bị lực lượng tuần tra bắt giữ và thu giữ tang vật, gồm: xe mô tô biển số 66P1-134.81, trong cốp xe có 02 gói hình chữ nhật, dưới đất phía ngoài cốp xe có 03 gói hình chữ nhật, trong balô phía dưới bánh xe trước có 13 gói hình chữ nhật, tổng cộng là 18 gói hình chữ nhật đều được quấn nylon trong suốt bên ngoài, trên từng gói có in hoa văn màu đỏ hình 02 sư tử châu quả địa cầu và nhiều ký tự chữ nước ngoài. Qua làm việc, người nam tên Võ Kiên N và người nữ tên Trần Thị B khai 18 gói hình chữ nhật nêu trên là chất ma túy vận chuyển từ Campuchia về Việt Nam theo yêu cầu của người tên Tý Đ, nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Kết luận giám định số 6418/KL-KTHS ngày 06/10/2023 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Chất bột màu trắng đựng trong 18 gói gửi giám định là ma túy, loại Heroin, tổng khối lượng 12.603,3 gam.

Qua điều tra xác định: Khoảng 09 giờ ngày 04/10/2023, Trương Nguyễn

Đình T3 (T) đang ở thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì Nguyễn Duy T10, sinh năm: 1998, nơi thường trú: thôn T, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu sử dụng mạng Telegram gọi gặp T3, T10 yêu cầu T3 đến Cửa khẩu quốc tế B2, thị xã K gặp Trần Tuấn T2 (T) để nhận ma túy, khi nào xuống tới thì liên hệ với T2, sau khi nhận thì T3 kiểm tra ma túy rồi báo lại cho T10 biết, sau đó T10 sẽ nói tên người nhận và địa điểm giao ma túy cho T3 biết, sau khi giao ma túy xong thì T10 sẽ trả tiền công cho T3 là 30.000.000 đồng, T3 đồng ý.

Khoảng 14 giờ 18 phút ngày 04/10/2023, T2 sử dụng số điện thoại 0949151549 gọi vào số điện thoại 0797979752 của T3, nhưng T3 không nghe. Đến 15 giờ 50 phút cùng ngày khi thấy cuộc gọi nhờ của T2, T3 sử dụng số điện thoại trên gọi lại gặp T2, T2 kêu T3 chạy xe xuống Cửa khẩu B2 nhận ma túy của T10 và đậu xe tại nhà của vợ T2 tên Võ Thị Bảo T8, sinh năm: 2002, ở ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An. Chiều cùng ngày, T2 trực tiếp đem ma túy sang phòng trọ số 31 nhà trọ H1, địa chỉ: làng A, xã T, huyện K, tỉnh Svay Rieng, Vương quốc C3 cùng sử dụng với Võ Kiên N và Trần Thị B. Sau khi sử dụng ma túy xong, T2 nói chút nữa ma túy về, T2 đưa chìa khoá xe cho N chở B xách giỏ ma túy về nhà của T8 hoặc nhà của Huỳnh Công T7 (Tiến M), sinh năm: 1999, địa chỉ: ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

Khoảng 19 giờ cùng ngày, Nguyễn Cao D1, sinh năm: 1996, nơi thường trú: thôn T, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (anh ruột của Nguyễn Duy T10) đi xe ô tô đến nhà trọ H1, T2 rủ N và B cùng đi ăn với D1 tại quán trước Casino D, gần nhà trọ H1. Tại đây, N nhìn thấy D1 đưa cho T2 400 USD, nhưng N không biết D1 đưa tiền cho T2 làm gì, sau khi ăn xong thì D1 trả tiền.

Khoảng 21 giờ 25 phút cùng ngày, T3 đến khu vực cầu C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh lấy xe ô tô biển số 60K - 149.66 do T3 thuê của Hồ Minh T9, sinh năm 1997, nơi thường trú: 29/9 Đường A, phường B, thành phố T, Thành phố H trước đó, điều khiển đến xã B, thị xã K, tỉnh Long An khoảng 23 giờ 14 phút cùng ngày. Trên đường đi, T9 06 lần dùng số điện thoại 0792933040 gọi vào số điện thoại 0949151549 của T2, để trao đổi về việc vận chuyển ma túy cho T10. Khi đến thị xã K, T9 điện thoại gặp T2 nói là đã xuống tới, T2 kêu T9 chạy xe đến nhà của T8 gửi. T9 điều khiển xe 60K-149.66 đến ngã tư B rẽ phải chạy khoảng 100m và đậu xe trên vỉa hè trước trường học, đối diện nhà của T8. T9 điện thoại gặp T2 nói đã tới nhà rồi và kêu T2 đến rước, T2 nói T9 chờ T2 từ Casino ở Campuchia chạy qua rước.

Trong khoảng thời gian trên, T2 điện thoại rủ N và B đến phòng trọ số 9 nhà trọ H1 cùng sử dụng ma túy. Trong phòng trọ số 9, N và B nhìn thấy có T2, Nguyễn Cao D1, Võ Văn T5 (Tùng 5 Giao), sinh năm: 1985, nơi thường trú: Khu phố A, Phường B, thị xã K, Long An; Bé 7 (không rõ họ tên, địa chỉ) và 01 người nam không biết họ tên. N khai tại đây, T2 gọi điện thoại cho 01 người nam (N không biết tên, địa chỉ) rồi đưa điện thoại cho N nghe, người này nói N chở B đi dùm chuyến này đi, về tiền bạc tính sau, N không nói gì rồi đưa điện thoại lại cho T2, lúc này Nguyễn Cao D1 đang có mặt tại phòng trọ số 9 nói với N đi dùm chuyến này đi, về tiền tính sau. Sau đó, B đi về phòng trọ của mình, N

đến Casino R chơi, T2 điều khiển xe mô tô hiệu Sirius, màu đỏ đen, biển số 66P1 - 134.81 về nhà của T8 rước T5. T5 hỏi có ma túy chưa, T2 nói chưa có và kêu T5 đợi. T5 kêu T2 chở T5 qua C4 ở Campuchia chơi. T2 điều khiển xe mô tô trên chở T5 đến Cửa khẩu quốc tế B2 để qua Campuchia và đến nhà trọ H1. Sau đó, T5 đi bộ qua C5 chơi tài xỉu thua hết tiền nên quay lại nhà trọ H1 là khoảng 00 giờ 28 phút ngày 05/10/2023, T5 điện thoại gặp và kêu vợ tên Nguyễn Thị Kim D chuyển cho T5 10.000.000 đồng vào số tài khoản 070060415763 của Phan Thị H2, sinh năm: 1986, nơi thường trú: Nguyễn Thành A, Khu phố E, Phường A, thị xã K, Long An là quản lý nhà trọ H1, để T5 nhận tiền mặt từ Hén. Lúc này, T2 đưa chìa khoá xe mô tô biển số 66P1-134.81 cho T5 điều khiển đến Casino L chơi.

Khoảng 01 giờ 00 ngày 05/10/2023, N đang ở Casino R, T2 điện thoại gặp và kêu N về chở B đi, N thực hiện theo yêu cầu của T2 và vừa ra đến cửa Casino R thì Tiến M điện thoại gặp N nói T2 có hứa đưa cho T7 Mập 10.000.000 đồng và đã đưa trước 2.500.000 đồng, Tiến M đã đưa cho biên phòng rồi và kêu N về đi vận chuyển ma túy ngay.

Khoảng 01 giờ 17 phút cùng ngày, T5 chơi đánh bạc thắng được khoảng 27.000.000 đồng, T5 điều khiển xe mô tô về đậu trước nhà trọ H1, T5 nhờ chị H2 chuyển 25.000.000 đồng vào tài khoản số 797979750 của D vợ T5. Thời điểm này, T2 hỏi mượn T5 2.000.000 đồng, T5 đồng ý và đưa tiền mặt cho T2 mượn 2.000.000 đồng, nhưng qua làm việc T2 khai không mượn tiền của T5 mà được T5 cho 500.000 đồng. Sau đó, T5 nói với T2 là ở lại chơi tiếp nhưng T2 kêu T5 về Việt Nam chờ nhận ma túy. Lúc này, T5 nghe T2 nói có Nguyễn Cao D1 ở tại phòng trọ nên T5 kêu D1 ra trước cửa phòng, D1 hỏi T5 còn tiền không cho D1 nạp Card điện thoại, T5 trả lời còn và đưa cho D1 200.000 đồng. T5 thấy T2, N và B đang đứng trước phòng trọ nói chuyện, N khai có hỏi T2 “giỏ đồ này cái gì vậy” thì T2 nói “ma túy”, N hỏi T2 đem về để ở đâu thì T2 nói đem qua nhà của T2 hoặc nhà của Tiến M. Lúc này, T5 kêu T2 chở T5 về Việt Nam để chờ nhận ma túy. T2 đưa chìa khoá xe mô tô biển số 66P1-134.81 cho N chở B đem ma túy về Việt Nam. Sau đó, T2 mượn xe mô tô Dream, biển số 62E1-154.23 của Đinh Minh T6 (Phát H), sinh năm: 1991, chỗ ở: ấp Ô, xã B, thị xã K, Long An chở T6 từ Campuchia về nhà T8 lấy xe ô tô chờ nhận ma túy. Sau đó, N lấy xe mô tô biển số 66P1-134.81 chở B qua Casino R thì gặp T2 đang điều khiển xe chở T6 hướng về Việt Nam, T2 nói N sao không chở B đi đi, qua C4 làm gì thì N chở B quay lại nhà trọ H1, B xuống xe đi bộ đến vị trí xe ô tô 04 chỗ màu trắng, biển số Campuchia, đang đậu phía bên trái nhà trọ H1 (cách 01 căn nhà) nhưng không mở cửa xe được, thì Cao D1 đến mở cửa xe và nói cho B biết cửa xe đã mở, rồi D1 đi vào phòng trọ, B đến mở cửa xe ô tô lấy 01 ba lô chứa ma túy từ trên xe ô tô để xuống đất, bên cạnh cửa xe ô tô, sau đó B bỏ đi mua card điện thoại, N thấy Võ Văn T5 (Tùng 5 Giao) từ trong phòng trọ số 9 đi ra, N hỏi xin Văn T5 01 điều thuốc lá, rồi kêu Văn T11 đem ba lô chứa ma túy để lên xe mô tô dùm, Văn T11 xách ba lô để lên ba ga trước xe mô tô và hỏi N “anh đi hay em đi”, N không trả lời, Văn T11 bỏ đi về hướng Casino Ruby thì thấy B mua Card lâu quá nên nói B đi đi, để Văn T11 lấy Card dùm B. Sau đó,

N điều khiển xe mô tô chở B đi đoạn khoảng 500m còn địa phận Campuchia, B lấy 05 gói ma túy trong ba lô cất vào cốp xe mô tô, rồi N chở B đi ra đường T (đường K) do đường xấu nên N kêu B lấy ba lô chứa ma túy ra sau để cho dễ chạy. Khi đi qua khỏi đồn Biên phòng Việt Nam thì Tiến M điện thoại cho N, N lấy điện thoại đưa B nghe, B nói với N là Tiến M kêu quay lại có Công an phía trước, N chở B quay lại vị trí Tiến M đang đậu xe, N và B nói với Tiến M là có Công an xã đang trước nên sẽ quay trở về trả đồ cho người ta, Tiến M nói “đã ra tới đây rồi quay trở về làm gì”, N nói “đi rồi bị bắt ai chịu”, Tiến M nói “đi đi, tôi chạy canh đường cho, có gì tôi chịu”, N nghe lời của Tiến M và chạy xe theo được 01 đoạn ra khỏi đường T thì không thấy Tiến M đâu. Lúc này, N điện thoại gặp và hỏi T2 “mày đang ở đâu, Công an xã đi bắt tao rồi”, rồi N tắt cuộc gọi. Ngay sau đó, T2 điện thoại lại cho N, N nói với T2 là “đừng gọi cho tôi nữa”, N tắt điện thoại và cất vào túi quần thì bị lực lượng Công an bắt giữ như nêu trên.

Đối với T11 và T2, T11 khai trên đường đi từ Campuchia về Việt Nam, T2 nói khi nào N và B vận chuyển ma túy qua Việt Nam liên lạc với T2, T2 chỉ chỗ cho N và B giao ma túy cho T11. T2 chở T11 về đến nhà của T8 là khoảng 01 giờ 42 phút, T2 điều khiển xe mô tô Dream, biển số 62E1 - 154.23 chạy trước dẫn đường cho T11 điều khiển xe ô tô chạy theo sau di chuyển nhiều vị trí khác nhau, để tìm chỗ dừng xe chờ nhận ma túy của N và B, được camera hành trình của xe ô tô ghi nhận lại từ 01 giờ 42 phút đến 01 giờ 56 phút ngày 05/10/2023. Sau đó, T11 đậu xe trước nhà T8 đến 02 giờ 05 phút cùng ngày thì điều khiển xe di chuyển và đậu ở khu vực xã B, thị xã K đến 02 giờ 20 phút cùng ngày, T11 điều khiển xe về thị xã K. Khoảng thời gian từ 01 giờ 48 phút đến 02 giờ 21 phút ngày 05/10/2023, T11 có 13 lần dùng số điện thoại 0792933040 gọi vào số 0949151549 của T2, để hỏi T2 có ma túy chưa thì T2 trả lời chưa và kêu T11 đợi. Đến khoảng 02 giờ 27 phút cùng ngày, T11 gọi điện thoại gặp T2 nói có Công an xã đi tuần nên T11 chạy xe ô tô về ngã tư B, sau đó chạy về thị xã K phải vào khu dân cư và đậu xe tại vị trí vắng người cho đến 03 giờ 20 phút cùng ngày thì T11 điều khiển xe về Thành phố Hồ Chí Minh. Trong khoảng thời gian từ 02 giờ 28 phút đến 02 giờ 57 phút, T11 gọi điện thoại cho T2 10 lần nhưng không liên lạc được nên T11 gọi điện thoại gặp T8 vợ T2 03 lần, để tìm T2 nhưng T8 nói T2 không có ở nhà.

Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, T11 điều khiển xe về đến huyện T thì bị Công an huyện T mời làm việc, T11 khai lúc này mới biết N và B bị bắt giữ, T11 không khai nhận hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy của mình như nêu trên. Tiến hành kiểm tra, xác định T11 dương tính với chất ma túy nên Công an huyện T quyết định xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng và cho gia đình bảo lãnh đến ngày 18/11/2023, T11 ra tự thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Còn T2, sau khi biết N và B bị bắt thì bỏ trốn đến ngày 18/11/2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh khởi tố, bắt tạm giam.

Kết luận giám định số 1071 ngày 18/10/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh kết luận xe mô tô biển số 66P1-134.81 có số khung 10DY006325, số máy 1FC1-006342, không phát hiện đục sửa, cắt hàn ghép. Kết quả xác minh xe có số khung, số máy nêu trên mang biển số 66M1-130.44, do ông Nguyễn Hữu Q1,

sinh năm 1945, nơi cư trú: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp đứng tên chủ xe và bị mất trộm vào ngày 03/5/2023. Còn biển số xe 66P1-134.81 do ông Nguyễn Kim S, sinh năm 1967, nơi cư trú: Tổ 56, khóm M, Phường C, thành phố C, Đồng Tháp đứng tên đăng ký và đã bán cho người không biết họ tên, địa chỉ. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã bàn giao xe trên cho Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với xe mô tô Dream, biển số 62E1-154.23 thuộc sở hữu của Phan Văn K1, sinh năm:1988, nơi thường trú: ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An. Tháng 9/2023, K1 cho Đinh Minh T6 (Phát H) mượn làm phương tiện đi lại. Việc bị cáo T2 sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện chở bị cáo T6 từ Campuchia về Việt Nam chờ nhận ma túy của N và B, Phan Văn K1 không biết nên Cơ quan điều tra không thu giữ xe mô tô nêu trên.

Đối với xe ô tô 07 chỗ ngồi, biển số 60K - 149.66 thuộc sở hữu của Hồ Minh T9, sinh năm 1997, nơi thường trú: 29/9 Đường A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, không biết bị cáo T9 dùng làm phương tiện vận chuyển ma túy nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra còn thu giữ:

- Điện thoại hiệu Redmi Note 8, sim số 0854859949 của Võ Kiên N.
- Điện thoại hiệu Realme C11, có gắn 02 sim, của Trần Thị B.
- Điện thoại hiệu Nokia 105, model TA-1010, màu xanh, có gắn 01 sim. Trương Nguyễn Đình T3
- Điện thoại hiệu S1 S9+ và điện thoại hiệu Iphone X, mặt sau màu trắng bị nứt ở góc dưới bên phải của Trần Tuấn T2.

Tại Cáo trạng số 13/CT-VKSLA-P1 ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã truy tố: Bị cáo Võ Kiên N, Trần Thị B, Trần Tuấn T2 và Trương Nguyễn Đình T3 về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Các bị cáo Võ Kiên N, Trần Thị B, Trần Tuấn T2 và Trương Nguyễn Đình T3 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu và xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố bị cáo Võ Kiên N, Trần Thị B, Trần Tuấn T2 và Trương Nguyễn Đình T3 về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” là đúng, không oan. Các bị cáo không có khiếu nại về các Kết luận giám định, đồng thời không khiếu nại gì về cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo tự nguyện khai báo, không bị bức cung hay nhục hình trong khi khai báo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật. Đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo và đề

ngợi Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Võ Kiên N, Trần Thị B, Trần Tuấn T2 và Trương Nguyễn Đình T3 phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 40; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Kiên N3 tử hình.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Võ Kiên N được gửi đơn lên Chủ tịch N5 để xin ân giảm án tử hình.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản, khoản 2 Điều 51; Điều 39; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị B tù chung thân.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Tuấn T2 20 (Hai mươi) năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58, Điều 15, Điều 57; Điều 54 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trương Nguyễn Đình T3 từ 09 (chín) năm đến 10 (mười) năm tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) thùng niêm phong vụ số 6418/M1/C09B, ngày 06/10/2023, có chữ ký ghi tên Trần Thị Thanh T12 (người chứng kiến), Trần Hải Đ1 (người niêm phong), bên trong chứa mẫu vật sau giám định: Mẫu ký hiệu M1 có khối lượng 3496,93 gam, loại Heroine.

- 01 (một) thùng niêm phong vụ số 6418/M2/C09B, ngày 06/10/2023, có chữ ký ghi tên Trần Thị Thanh T13 (người chứng kiến), Trần Hải Đ1 (người niêm phong), bên trong chứa mẫu vật sau giám định: Mẫu ký hiệu M2 có khối lượng 9089,48 gam, loại Heroine.

- 01 (một) ba lô vải màu xám đen có chữ Valueble.

* Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại hiệu Redmi Note 8 có gắn sim của Võ Kiên N.

- 01 (một) điện thoại hiệu S1 S9+ và điện thoại hiệu Iphone X, mặt sau màu trắng bị nứt ở góc dưới bên phải của Trần Tuấn T2.

* Trả lại:

- 01 (một) điện thoại hiệu Realme C11, có gắn 02 sim cho Trần Thị B.

- 01 (một) điện thoại hiệu Nokia 105, model TA-1010, màu xanh, có gắn

01 sim cho Trương Nguyễn Đình T3.

Các vật chứng trên do Cục thi hành án Dân sự tỉnh Long An đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 335/QĐ-VKSLA-P1 ngày 13/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/8/2024 Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Võ Kiên N trình bày: Thống nhất với tội danh và điều luật như Cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Khi quyết định hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ như: Sau khi phạm tội, bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải; trong quá trình điều tra, bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để giải quyết vụ án là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Để thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật, kính mong Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn cho bị cáo.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Thị B trình bày: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội nên thống nhất với tội danh và điều luật như Cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Khi quyết định hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ như: Trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn hiện nuôi 03 con còn nhỏ, bị cáo không biết chữ, nhận thức pháp luật còn hạn chế, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình điều tra giải quyết vụ án là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng cho bị cáo được áp dụng hình phạt tù có thời hạn.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Tuấn T2 trình bày: Thống nhất với tội danh và điều luật như Cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Khi quyết định hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ như: Trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức không đáng kể nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng cho bị cáo, xử phạt bị cáo với mức hình phạt nhẹ hơn Kiểm sát viên đề nghị.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Trương Nguyễn Đình T3 trình bày: Thống nhất với tội danh và điều luật như Cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Nên không tranh luận. Khi quyết định hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ như: Trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo tự thú, bị cáo là đồng phạm có vai trò không đáng kể là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; chưa nhận được ma túy theo thỏa thuận là phạm tội chưa đạt theo quy định tại Điều 15 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 xử bị cáo mức nhẹ hơn mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị.

Kiểm sát viên tranh luận: Việc luật sư yêu cầu xem xét bị cáo N, bị cáo B theo tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 là không phù hợp. Bởi hành vi phạm tội của bị cáo là bị bắt quả tang, quá trình điều tra phải trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều lần do đó không cấp nhận theo ý kiến bào chữa của luật sư.

Qua ý kiến phát biểu bào chữa của các luật sư, các bị cáo Võ Kiên N, Trần Thị B, Trần Tuấn T2 và Trương Nguyễn Đình T3 không tranh luận bổ sung gì thêm.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Võ Kiên N đồng ý chấp nhận mức hình phạt cao nhất, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo còn lại.

Bị cáo Trần Thị B, Trần Tuấn T2 và Trương Nguyễn Đình T3 nhận thức hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, các quyết định tố tụng và hành vi tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, Điều tra viên, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt các người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Xét thấy, những người vắng mặt đã có lời khai trong quá trình điều tra và khi cần thiết có thể công bố lời khai của họ tại phiên tòa cũng đảm bảo khách quan về chứng cứ, nên việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Các bị cáo Võ Kiên N, Trần Thị B, Trần Tuấn T2 và Trương Nguyễn Đình T3 đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng truy tố, phù hợp với lời khai của các bị cáo những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại Cơ quan điều tra, lời khai của các người làm chứng, người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác, biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, các kết luận giám định có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, thể hiện: Khoảng 01 giờ 50 phút ngày 05/10/2023, Công an thị xã K phối hợp Công an xã B, thị xã K tuần tra phòng chống tội phạm trên đường T, đến đoạn ấp M, xã B, thị xã K phát hiện bắt quả tang Võ Kiên N và Trần Thị B đang vận chuyển 12.603,3 gam ma túy, loại Heroin. Số ma túy trên là của Nguyễn Duy T10, sinh năm: 1998 và Nguyễn Cao D1, sinh năm 1996, cùng nơi thường trú: thôn T, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thuê Trần Tuấn T2 vận chuyển từ Campuchia về xã B, thị xã K giao cho Trương Nguyễn Đình T3 nhưng bị can T2 giao lại cho bị can N và bị can B vận chuyển về xã B giao cho bị can T3. Còn bị can T2 điều khiển xe mô tô Dream, biển số 62E1 - 154.23 chở bị can T3 về nhà Võ Thị Bảo T8, ở ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An cho bị

can T3 lấy xe ô tô biển số 60K - 149.66 chờ nhận ma túy từ bị can N và bị can B.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Võ Kiên N, Trần Thị B, Trần Tuấn T2 và Trương Nguyễn Đình T3 đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, không oan.

[4] Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, có tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo Võ Kiên N, bị cáo Trần Thị B là người thực hiện, bị cáo Trần Tuấn T2 là người giúp sức liên hệ để các bị cáo giao nhận ma túy; bị cáo Trương Nguyễn Đình T3 là đối tượng chờ nhận ma túy nhưng chưa nhận được ma túy nên phạm tội chưa đạt theo quy định tại Điều 15 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là đặt biệt nguy hiểm và đặc biệt nghiêm trọng, chỉ vì lợi ích cá nhân các bị cáo nhận vận chuyển ma túy với số lượng trên 12kg ma túy loại Heroin. Như đã biết, ma túy là chất gây nghiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe con người, hạnh phúc của gia đình, là con đường chính lây lan HIV/AIDS; ma túy là hiểm họa to lớn đối với xã hội và là nguyên nhân của nhiều tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật như: giết người, cướp tài sản và nhiều hành vi gây mất an ninh trật tự xã hội khác... Do đó, Đảng và Nhà nước ta nghiêm cấm các hành vi: sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, nếu bị phát hiện vi phạm sẽ bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Cụ thể trong vụ án này các bị cáo đã vận chuyển trái phép khối lượng lớn ma túy từ Campuchia về Việt Nam, do đó cần phải xử lý thật nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe, giáo dục phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét, đánh giá tính chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân, để có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[6] Đối với bị cáo Võ Kiên N là người trực tiếp thực hiện hành vi vận chuyển ma túy với số lượng là 12.603,3 gam loại Heroin, hành vi của bị cáo N là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội. Xét tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên bị cáo có 01 tiền án về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xử phạt bị cáo 07 năm tù, bị cáo đã chấp hành hình phạt xong, chưa được xóa án tích nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội nên cần loại bỏ bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Đối với bị cáo Trần Thị B với vai trò đồng phạm đã cùng bị cáo N thực hiện hành vi vận chuyển số lượng ma túy là 12.603,3 gam loại Heroin. Bị cáo B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét tình tiết giảm nhẹ,

bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, hiện đang nuôi 03 con nhỏ, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, tuy nhiên xét thấy bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, để thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật nên miễn hình phạt tử hình cho bị cáo, nhưng cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[8] Đối với bị cáo Trần Tuấn T2: Bị cáo là đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực trong việc giao cho bị cáo N và bị cáo B vận chuyển số lượng ma túy lớn là 12.603,3 gam loại Heroin. Bị cáo T2 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét tình tiết giảm nhẹ, bị cáo T2 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh bị cáo khó khăn nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu, xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội.

[9] Đối với bị cáo Trương Nguyễn Đình T3: Bị cáo là đồng phạm với vai trò giúp sức, nhiệm vụ của bị cáo là đến điểm hẹn để nhận ma túy về cho D1 với tiền công là 30.000.000 đồng. Tuy nhiên bị cáo chưa nhận được ma túy thì bị bắt, là phạm tội chưa đạt theo quy định tại Điều 15 Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo tự thú, tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T3 không có tiền án tiền sự, bị cáo là đồng phạm có vai trò giúp sức không đáng kể, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt

[10] Xem xét ý kiến đối đáp của Kiểm sát viên với những người bào chữa cho các bị cáo và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ, nên chấp nhận.

[11] Đối với hành vi của Nguyễn Cao D1 và Nguyễn Duy T10 Ngày 24/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L ban hành Yêu cầu Trưng trợ tư pháp về hình sự số E, đề nghị Bộ Tư pháp Vương quốc Campuchia xác định có bắt giữ Nguyễn Cao D1 và Nguyễn Duy T10 không, nếu có thì làm rõ trong ngày 04 và ngày 05/10/2023, D1 và T10 làm gì, ở đâu, nhưng đến nay chưa có kết quả. Ngày 21/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L ban hành Quyết định truy tìm người đối D1 và T10 và đã tách hành vi của Nguyễn Cao D1 và Nguyễn Duy T10 để tiếp tục điều tra làm rõ.

[12] Huỳnh Công T7 (T) không thừa nhận việc canh đường cho Võ Kiên N và Trần Thị B vận chuyển ma túy. Ngoài lời khai của N, B và Trần Tuấn T2 thì không có chứng cứ nào khác chứng minh Huỳnh Công T7 có hành vi canh đường cho N và B vận chuyển ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh không xem xét trách nhiệm hình sự của Huỳnh Công T7 là có căn cứ.

[13] Võ Văn T5 (Tùng 5 Giao) không thừa nhận việc đem ba lô chứa ma

túy để lên xe mô tô dùm bị can N và vụ việc này diễn ra trên lãnh thổ Vương quốc Campuchia nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[14] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2021

* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) thùng niêm phong vụ số 6418/M1/C09B, ngày 06/10/2023, có chữ ký ghi tên Trần Thị Thanh T12 (người chứng kiến), Trần Hải Đ1 (người niêm phong), bên trong chứa mẫu vật sau giám định: Mẫu ký hiệu M1 có khối lượng 3496,93 gam, loại Heroine.

- 01 (một) thùng niêm phong vụ số 6418/M2/C09B, ngày 06/10/2023, có chữ ký ghi tên Trần Thị Thanh T13 (người chứng kiến), Trần Hải Đ1 (người niêm phong), bên trong chứa mẫu vật sau giám định: Mẫu ký hiệu M2 có khối lượng 9089,48 gam, loại Heroine.

- 01 (một) ba lô vải màu xám đen có chữ Valueble không còn giá trị sử dụng

* Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại hiệu Redmi Note 8 có gắn sim của Võ Kiên N.

- 01 (một) điện thoại hiệu S1 S9+ và điện thoại hiệu Iphone X, mặt sau màu trắng bị nứt ở góc dưới bên phải của Trần Tuấn T2 do T2 sử dụng liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội.

* Giao trả lại:

- 01 (một) điện thoại hiệu Realme C11, có gắn 02 sim cho Trần Thị B do không liên quan đến vụ án..

- 01 (một) điện thoại hiệu Nokia 105, model TA-1010, màu xanh, có gắn 01 sim cho Trương Nguyễn Đình T3 do không liên quan đến vụ án.

(Các vật chứng trên hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An đang giữ quản lý)

[15] Đối với xe mô tô biển số 66P1-134.81 có số khung 10DY006325, số máy 1FC1-006342, không phát hiện đục sửa, cắt hàn ghép. Kết quả xác minh xe có số khung, số máy nêu trên mang biển số 66M1-130.44, do ông Nguyễn Hữu Q1, sinh năm 1945, nơi cư trú: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp đứng tên chủ xe và bị mất trộm vào ngày 03/5/2023. Còn biển số xe 66P1-134.81 do ông Nguyễn Kim S, sinh năm 1967, nơi cư trú: Tổ 56, khóm M, Phường C, thành phố C, Đồng Tháp đứng tên đăng ký và đã bán cho người không biết họ tên, địa chỉ. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã bàn giao xe trên cho Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp xử lý theo quy định pháp luật là phù hợp không xét đến

[16] Đối với xe mô tô Dream, biển số 62E1-154.23 thuộc sở hữu của Phan Văn K1, sinh năm: 1988, nơi thường trú: ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

Tháng 9/2023, K1 cho Đinh Minh T6 (Phát H) mượn làm phương tiện đi lại. Việc bị can T2 sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện chở bị can T6 từ Campuchia về Việt Nam chờ nhận ma túy của N và B, Phan Văn K1 không biết nên Cơ quan điều tra không thu giữ xe mô tô nêu trên là phù hợp không xét đến

[17] Đối với xe ô tô 07 chỗ ngồi, biển số 60K - 149.66 thuộc sở hữu của Hồ Minh T9, sinh năm 1997, nơi thường trú: 29/9 Đường A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, không biết bị can T9 dùng làm phương tiện vận chuyển ma túy nên Cơ quan điều tra không thu giữ là phù hợp không xét đến.

[18] Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2021 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Võ Kiên N, Trần Thị B, Trần Tuấn T2 và Trương Nguyễn Đình T3 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Võ Kiên N, Trần Thị B, Trần Tuấn T2 và Trương Nguyễn Đình T3 phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

1.1 Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 40; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Kiên N3 tử hình.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Võ Kiên N được gửi đơn lên Chủ tịch N5 để xin ân giảm án tử hình.

1.2 Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Trần Thị B tù chung thân, thời hạn tù được tính kể từ bắt tạm giam bị cáo ngày 05/10/2023.

1.3 Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Tuấn T2 20 (Hai mươi) năm tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/11/2023

1.4 Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 250; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58, Điều 15, Điều 57; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trương Nguyễn Đình T3 09 (chín) năm tù, thời hạn tù được tính kể từ bắt tạm giam bị cáo ngày 18/11/2023.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021. Tiếp tục tạm giam các bị cáo Võ Kiên N, Trần Thị B, Trần Tuấn T2

và Trương Nguyễn Đình T3 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (16/4/2025) để đảm bảo cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2021

* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) thùng niêm phong vụ số 6418/M1/C09B, ngày 06/10/2023, có chữ ký ghi tên Trần Thị Thanh T12 (người chứng kiến), Trần Hải Đ1 (người niêm phong), bên trong chứa mẫu vật sau giám định: Mẫu ký hiệu M1 có khối lượng 3496,93 gam, loại Heroine.

- 01 (một) thùng niêm phong vụ số 6418/M2/C09B, ngày 06/10/2023, có chữ ký ghi tên Trần Thị Thanh T13 (người chứng kiến), Trần Hải Đ1 (người niêm phong), bên trong chứa mẫu vật sau giám định: Mẫu ký hiệu M2 có khối lượng 9089,48 gam, loại Heroine.

- 01 (một) ba lô vải màu xám đen có chữ Valueble không còn giá trị sử dụng

* Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại hiệu Redmi Note 8 có gắn sim của Võ Kiên N.

- 01 (một) điện thoại hiệu S1 S9+ và điện thoại hiệu Iphone X, mặt sau màu trắng bị nứt ở góc dưới bên phải của Trần Tuấn T2 do T2 sử dụng liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội.

* Giao trả lại:

- 01 (một) điện thoại hiệu Realme C11, có gắn 02 sim cho Trần Thị B do không liên quan đến vụ án.

- 01 (một) điện thoại hiệu Nokia 105, model TA-1010, màu xanh, có gắn 01 sim cho Trương Nguyễn Đình T3 do không liên quan đến vụ án.

Các vật chứng trên hiện do Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Long An quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 335/QĐ-VKSLA-P1 ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14 tháng 8 năm 2024 Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Võ Kiên N, Trần Thị B, Trần Tuấn T2 và Trương Nguyễn Đình T3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo

quy định pháp luật.

5 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM;
- VKSNDCC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- VP.CQANĐT Công an tỉnh Long An (2)
- Bị cáo;
- Người TGTТ khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Hùng Cường